TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**
Số: 53/2024/QĐCNTTLH	*MS, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Giàng A D và chị Sồng Thị D1.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc xin ly hôn của anh Giàng A D đối với chị Sồng Thị D1;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Anh Giàng A D, sinh năm 1993, nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản I, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La.

- *Người bị kiện:* Chị Sồng Thị D1, sinh năm 1993, nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản I, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A D và chị Sồng Thị D1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh D, chị D1 có 02 con chung là cháu Giàng Xuân N sinh ngày 05/12/2012 và cháu Giàng Thị Ánh T sinh ngày 25/10/2014. Anh D,

chị D1 thống nhất giao cháu Giàng Xuân N và Giàng Thị Ánh T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N và cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh D chưa có yêu cầu chị D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn chị D1 được quyền thăm gặp con, không ai được cản trở theo quy định của Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Anh D, chị D1 tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

- Về các vấn đề khác: Không có

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các bên tham gia hòa giải;
- UBND xã CC, huyện MS;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh